

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ G
TỈNH B

Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HSST
Ngày 18/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**

Các Hội thẩm: Ông **Nguyễn Thành Nhận**
Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Lê Khắc Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Thoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2021/HSST ngày 25 tháng 11 năm 2021 đối với:

- *Bị cáo:* **Nguyễn Hải Đ**, sinh năm: 1989 (Có mặt).

Đã ký nhân khẩu thường trú: ấp 2, xã Tân Phong, thị xã G, B. Nơi ở hiện nay: ấp 20, xã Phong Tân, thị xã G, tỉnh B; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 10/12. Cha: Nguyễn Văn K, sinh năm: 1960; Mẹ: Trương Thị T, sinh năm: 1962; vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; con: 01 người lớn, sinh năm 2010 và nhỏ sinh năm 2014; anh chị em ruột có 01 người sinh năm 1992; Tiền án và tiền sự: không; bị khởi tố ngày 11/9/2021, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ đó cho đến nay.

- *Bị hại:* **Hứa Minh T**, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp 20, xã Phong Tân, thị xã G, tỉnh B.

(Bị cáo Nguyễn Hải Đ và bị hại Hứa Minh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Hải Đ bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã G truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 08/9/2021 sau khi đưa vợ đi làm, bị cáo Nguyễn Hải Đ đi bộ từ khóm 1, phường H về nhà ấp 20, xã Phong Tân, thị xã G, tỉnh B, trên đường đi đến khu vực ấp 4A, xã Phong Thạnh A, thị xã G phát hiện trước nhà anh Hứa Minh T có đậu một chiếc vỏ Composite, trên vỏ gắn máy nổ hiệu Honda 5.5HP và chở nhiều cái lú bát quái nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo bơi qua sông lấy vỏ máy rồi điều khiển về hướng Hộ phòng, thị xã G để tìm nơi tiêu thụ.

Đến khoảng 7 giờ cùng ngày anh T kiểm tra phát hiện tài sản bị mất nên cùng anh Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô đi tìm. Khi đến khu vực ấp 3, xã Phong Thạnh A thì phát hiện bị cáo đang điều khiển vỏ máy của mình nên yêu cầu dừng lại, biết bị phát hiện nên bị cáo nhảy xuống sông bỏ trốn, anh T anh Sơn truy đuổi, bắt được bị cáo và trình báo với Công an Phong Thạnh A đến tiếp tục xử lý vụ việc.

Tại bản kết luận định giá số 140, ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã G kết luận:

01 chiếc vỏ Composite hiệu LHC chiều dài 6m9, chiều ngang 1m05, có giá trị tại thời điểm yêu cầu $7.600.000đ \times 90\% = 6.840.000đ$;

01 máy nổ nhãn hiệu 5.5HP kèm theo dàn cầu và chân vịt, có giá trị tại thời điểm yêu cầu $3.680.000đ \times 10\% = 368.000đ$;

15 chiếc lú bát quái, loại lú dây cước, có giá trị tại thời điểm yêu cầu $95.000đ/chiếc \times 15 chiếc = 1.425.000đ$;

20 chiếc lú bát quái, loại lú dây chỉ, có giá trị tại thời điểm yêu cầu $95.000đ/chiếc \times 20 chiếc = 1.900.000đ$.

Tổng giá trị tài sản định cần định giá là $6.840.000đ + 368.000đ + 1.900.000đ + 1.425.000đ = 10.533.000đ$.

Tại bản Cáo trạng số: 83/CT – VKS ngày 23/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân thị xã G đã truy tố bị cáo Nguyễn Hải Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân vẫn giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố, áp dụng khoản 1, Điều 173; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ từ 06 (sáu) đến (9) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt; về trách nhiệm dân sự người bị hại nhận lại tài sản, không yêu cầu nên không xem xét; xử lý vật chứng: bị hại đã nhận lại đủ nên không yêu cầu.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời trình bày của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thị xã G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung Cáo Trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo trước đây tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 03 giờ, ngày 08 tháng 9 năm 2021 trên đường về nhà đến khu vực ấp 4A, xã Phong Thạnh A, thị xã G, tỉnh B bị cáo Nguyễn Hải Đ phát hiện chiếc vỏ Composite có gắn 01 máy nổ hiệu Honda 5.5HP và chở nhiều cái lú bát quái của anh Hứa Minh T đang neo đậu dưới sông không có người trông coi nên bị cáo đã chiếm đoạt, trên đường đi tiêu thụ thì bị bắt quả tang, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 10.533.000đ.

Vào thời điểm phạm tội bị cáo là người đã thành niên, đủ khả năng nhận thức việc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, tuy nhiên với ý thức thích hưởng thụ, lười lao động, bị cáo đã phạm tội với tội cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, cụ thể ở đây là tài sản của anh T. Như vậy, hành vi của bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, đúng như bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã G đã truy tố.

[3] Xem xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản cá nhân mà còn gây ảnh hưởng xấu, mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân nơi tội phạm xảy ra.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tại phiên tòa, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Từ nhận xét và đánh giá nêu trên, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, không đặt ra xem xét

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Xử lý vật chứng: Không đặt ra.

[10] Qua đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G về hình phạt, xử lý vật chứng là hoàn toàn có căn cứ pháp luật nên cần được ghi nhận.

Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Hải Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Xử lý vật chứng: Không đặt.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, Điều 135; khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Hải Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- + TAND tỉnh B;
- + VKSND thị xã G;
- + Công an thị xã G;
- + Chi cục THADS thị xã G;
- + Bị cáo;
- + Bị hại;
- + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Phai

